

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ TỈNH ỦY LẦN THỨ 5 KHÓA XX

**về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số
cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công,
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh**

I. Tình hình và nguyên nhân

1. Thời gian qua, thực hiện chủ trương về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), thủ tục hành chính (TTHC), các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thể chế nền hành chính tiếp tục được cải cách, chất lượng, tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) từng bước được nâng lên. Cải cách TTHC có bước tiến bộ, đơn giản hóa các TTHC và được tập trung giải quyết tại một đầu mối; cơ chế "một cửa liên thông, hiện đại" được triển khai thực hiện đồng bộ từ xã đến tỉnh; hầu hết các TTHC được giải quyết đúng thời hạn quy định, nhiều thủ tục được rút ngắn so với thời gian quy định, từng bước thiết lập và vận hành nền hành chính phục vụ. Tổ chức, bộ máy hành chính được chú trọng sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp quản lý, xây dựng quy chế phối hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được chú trọng; ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ ngày càng được nâng lên. Cơ chế quản lý tài chính công được đổi mới theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tăng tính hiệu quả của chi tiêu công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý nhà nước, từng bước hướng đến xây dựng chính quyền điện tử,... góp phần tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Bên cạnh đó, công tác cải cách hành chính còn một số tồn tại, hạn chế: (1) Việc triển khai các nội dung CCHC chưa quyết liệt, đồng bộ; việc xây dựng và ban hành một số văn bản QPPL thiếu tính khả thi, chồng chéo. (2) TTHC ở một số lĩnh vực chậm đổi mới, đơn giản hóa; giải quyết TTHC của một số cơ quan, đơn vị còn chậm trễ, gây phiền hà; xã hội hóa dịch vụ hành chính công chậm. Tính liên thông trong cải cách TTHC chưa cao. Cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, thực hiện chưa đúng quy trình, thủ tục, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức, cá nhân;

một số chỉ tiêu CCHC đạt thấp so với yêu cầu. **(3)** Tổ chức bộ máy của một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự tinh gọn, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan, tổ chức chưa rõ, còn chồng chéo, trùng lặp; sự phân công, phân cấp, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn hạn chế; cách thức, phương pháp giải quyết công việc trong nội bộ các cơ quan hành chính chậm đổi mới; năng lực tham mưu và chịu trách nhiệm của cấp dưới còn yếu, có nhiều việc không mạnh dạn tham mưu, đùn đẩy lên cấp trên. **(4)** Trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, thái độ ứng xử, phục vụ của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nghiêm; một số cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức chưa làm hết trách nhiệm, có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà. Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm còn nhiều trường hợp chưa sát đúng, vẫn là khâu yếu, chưa thật sự phát huy và là giải pháp chủ yếu để loại những người không đủ năng lực, phẩm chất ra khỏi tổ chức bộ máy. **(5)** Công tác cải cách tài chính công vẫn còn hạn chế. Việc thực hiện tự chủ tài chính ở một số đơn vị chưa thật sự hiệu quả. **(6)** Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành của một số cơ quan hành chính chưa triệt để, chưa đạt yêu cầu; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn ít; tổ chức và công dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa nhiều. Chỉ số cải cách hành chính (*PAR Index*); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (*PAPI*); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*PCI*) có thứ hạng thấp so với các tỉnh, thành phố trong cả nước¹.

Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau: **(1)** Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về vị trí, vai trò của CCHC trong phát triển kinh tế - xã hội chưa đầy đủ, chậm đổi mới tư duy về quản lý hành chính nhà nước; trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm của một phần cán bộ, công chức còn hạn chế; một số cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước các cấp chưa có quyết tâm chính trị cao, một số cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đối phó, còn buông lỏng quản lý, chỉ đạo việc thực hiện CCHC chủ yếu mới dừng lại ở khâu ban hành chương trình, kế hoạch, thiếu kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. **(2)** Nguồn lực (*tài chính và nhân lực*) bố trí cho công tác CCHC còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. **(3)** Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện CCHC chưa thường xuyên; chưa chú trọng việc đánh giá, biểu dương những cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân có

¹ - Chỉ số PAR INDEX: năm 2016: 59/63; năm 2017: 63/63; năm 2018: 56/63; năm 2019: 61/63; năm 2020: 63/63.
 - Chỉ số PAPI: năm 2016: 21/63; năm 2017: 35/63; năm 2018: 60/63; năm 2019: 61/63; năm 2020: 60/63.
 - Chỉ số PCI: năm 2016: 26/63; năm 2017: 25/63; năm 2018: 41/63; năm 2019: 41/63; năm 2020: 36/63.

hành vi vi phạm. (4) Một số văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương chưa đồng bộ, chồng chéo, khó khăn trong việc thực hiện.

II. Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu

1. Quan điểm

- CCHC gắn với nhân tố con người, lấy nhân tố con người là trung tâm để thực hiện, phải xuất phát từ chính thực tiễn để cải tiến công việc, thái độ, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

- CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số về CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

- CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chủ yếu đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- CCHC phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức lãnh đạo, quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với lộ trình, bước đi phù hợp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cấp ủy, chính quyền các cấp; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, minh bạch chuyên nghiệp, từng bước hiện đại; sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính phục vụ nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Chỉ tiêu chủ yếu

(1) Phân đấu Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công xếp thứ hạng tăng bình quân mỗi năm từ 5 - 8 bậc; đến năm 2025, xếp thứ hạng từ 25 - 30/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phân đấu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021, xếp thứ hạng từ 20 - 30/63; đến năm 2025, xếp thứ hạng từ 10 - 20/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(2) Trong năm 2021, hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm ở 100% cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; trong năm 2022, hoàn thành phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm ở 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(3) 100% văn bản QPPL được ban hành đúng quy trình, quy định; bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tính khả thi.

(4) Hoàn thành việc sắp xếp tinh gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố theo chủ trương của Trung ương.

(5) Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

(6) Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

(7) Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, trừ các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn.

(8) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật). 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

(9) 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

(10) Tối thiểu 80% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

(11) 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

(12) Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Trung ương. Giảm tối thiểu bình quân 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập. Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

(13) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

(14) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%. Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về cải cách thể chế

- Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản QPPL trên tất cả các lĩnh vực, nhất là quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng... bảo đảm tính ổn định, khả thi cao, công khai, minh bạch, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản QPPL trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh. Tiếp tục rà soát để bổ sung, hoàn thiện và ban hành mới các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng

phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; khuyến khích hợp tác, chuyên gia công nghệ.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong quá trình thực thi các văn bản QPPL. Đến năm 2025, cơ bản hoàn thiện việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, nhất là gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và phát huy sự năng động, sáng tạo của người dân và doanh nghiệp trong việc hoàn thiện, thực hiện cải cách thể chế.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

- Thường xuyên đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, bảo đảm đúng quy định, nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá quá trình thực hiện cải cách TTHC; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết.

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào đủ năng lực, sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, bảo đảm đúng quy định và nguyên tắc quản lý, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và ở các địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa

các thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân. Kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia... nhằm tăng tính liên thông trong giải quyết TTHC, bảo đảm tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong triển khai thực hiện cải cách TTHC ở địa phương, đơn vị.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Chủ động rà soát, đánh giá, lập đề án, phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố kịp thời, có chất lượng theo đúng chỉ đạo, yêu cầu của Trung ương. Có chính sách hợp lý, kịp thời để giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư khi sáp nhập đơn vị hành chính.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ việc của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính, gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm theo quy định của Chính phủ. Sắp xếp, giảm tối đa các Ban quản lý dự án, tổ chức phối hợp liên ngành.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trên một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng ngành, cấp nào quản lý có hiệu quả hơn thì giao cho ngành đó, cấp đó quản lý, nhằm nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Xây dựng lại Đề án vị trí việc làm theo quy định của Chính phủ; gắn thực hiện tinh giản biên chế với cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành tuân thủ theo Đề án vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức công vụ, có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng làm việc thành thạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả công tác CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm, bảo đảm nguyên tắc công khai, khách quan, minh bạch, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật; triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng và tương đương khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

- Chú trọng nâng cao năng lực, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Nghiên cứu có chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài trong quản lý nhà nước, nhất là các ngành mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

- Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; khuyến khích sáng kiến cải tiến công vụ.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 14-Kl/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

5. Cải cách tài chính công

- Đổi mới và kiểm soát chặt chẽ cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với

nhiệm vụ được giao. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý tài chính ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công.

- Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính theo Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025, có giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi thường xuyên và chi đầu tư, tiến tới chuyển sang công ty cổ phần.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, công dân điện tử. Phát triển, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, bảo đảm tính liên thông các thông tin quản lý dữ liệu, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Có giải pháp tích hợp, kết nối dữ liệu tất cả các phần mềm ứng dụng trong quản lý, điều hành hiện nay tại các cơ quan hành chính để đảm bảo việc số hóa, hình thành cơ sở dữ liệu chung phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Nâng cao kỹ năng khai thác, ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với cấp huyện, xã. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phổ cập trình độ cơ bản cho người dân về kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an

toàn, an ninh mạng.

- Triển khai xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên môi trường mạng vào hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh.

7. Nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index); chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

- Khẩn trương xây dựng và triển khai kế hoạch cải thiện các chỉ số cải cách hành chính (PAR Index); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2021 - 2025.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040,... đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

- Kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các dự án ngoài ngân sách nhà nước.

- Định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là các quy định mới liên quan đến các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; có hình thức biểu dương các địa phương, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, có hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh.

9. Quan tâm bố trí nguồn lực phù hợp cho công tác CCHC.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hành động thực hiện Nghị quyết phù hợp với thực tế của địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh thể chế hóa thực hiện và tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch, đề án và huy động nguồn lực để thực hiện; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách để thực hiện Nghị quyết.

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chỉ đạo tuyên truyền, vận động các thành viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; báo cáo, đề xuất cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy những vấn đề cần lãnh đạo, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Vụ Địa phương, VPTW(b/c),
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc TU,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc TU,
- Các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PVPTU; P. Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Bùi Thị Quỳnh Vân